

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lộc.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Thanh và ông Nguyễn Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Thọ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Ái Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số 113/2019/TLPT-HS ngày 21/8/2019 đối với các bị cáo Bùi Đại Kim S, Nguyễn Đình L, Nguyễn Bạch Th, Trương Đình H và Bạch Thị Minh T, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2019/HSST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Bùi Đại Kim S, sinh ngày 11 tháng 01 năm 1992, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 5/93 X, phường TT, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ 20, KV 7, phường KL, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi C (P (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày từ 25/01/2018 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Huế đến ngày 14/02/2018 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Đình L, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1988, tại tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Lô 2.14, khu quy hoạch V, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Dg, sinh năm 1968; vợ: Đỗ Thị Minh N, sinh năm 1991; con: có 02 con, lớn 02 tuổi, nhỏ 7 tháng tuổi; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày từ 25/01/2018 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Huế đến ngày 14/02/2018 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Bạch Thị Minh T, sinh ngày 31 tháng 01 năm 1990, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 33/24 L, phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bạch P (đã chết) và bà Trần Dur N (đã chết); chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày từ 25/01/2018 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Huế đến ngày 13/02/2018 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Nguyễn Bạch Th, sinh ngày 08 tháng 5 năm 1988, tại tỉnh Quảng Trị; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Khu phố X, phường X, thị xã QT, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1964 và bà Lê Thị S, sinh năm 1967; vợ: Quốc Thị Minh T, sinh năm 1990; con: Có 02 con, con lớn 05 tuổi, con nhỏ 02 tuổi; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày từ 25/01/2018 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Huế đến ngày 28/02/2018 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Trương Đình H, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1993, tại tỉnh Quảng Bình; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Nn, xã HN, huyện QB, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Đình Ch, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1964; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày từ 25/01/2018 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Huế đến ngày 02/3/2018 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình L: Luật sư Huỳnh Tiến Đạt, luật sư của Công ty luật TNHH LHLEGAL thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: số 67 đường Xuân 68, phường TT, Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 24/01/2018, Nguyễn Đình L, Nguyễn Bạch Th, Trương Đình H và Bùi Đại Kim S rủ nhau đến ăn uống tại vỉa hè đường V, thành phố Huế. Khi ăn uống gần xong thì L nói với cả nhóm đi quán Bar nghe nhạc. Sau khi L khởi xướng đi quán Bar thì S nói: “Nếu đi quán Bar thì có kẹo (tức là ma túy mà đối tượng sử dụng gọi là thuốc lắc) mới vui”. Do cả nhóm ai cũng đã từng có sử dụng loại ma túy này, nên khi nghe S nói vậy thì đều đồng ý ngay. L, H, Th bàn nhau góp tiền mua. Nhưng do H và Thiên chưa có tiền nên L đồng ý bỏ tiền ra trước. Sau đó, L đưa cho S 7.000.000 đồng để đi mua ma túy. S nhận tiền rồi điện thoại cho bạn của mình là Bạch Thị Minh T để nhờ mua ma túy. T đồng ý và đến lấy tiền từ S. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày cả nhóm đi đến quán Bar DVT ở 102 Lê Lợi, thành phố Huế, còn T đi mua ma túy. T điện thoại cho một đối tượng có tên là “Rò” (không rõ nhân thân, lai lịch) để mua 06 viên ma túy dạng nén, 02 gói ma túy tổng hợp dạng bột với số tiền 7.000.000 đồng rồi đưa vào quán bar sử dụng. Tại quán Bar L, Th, T mỗi người sử dụng 01 viên ma túy; H, S mỗi người sử dụng nửa viên ma túy. Do Quán Bar đã hết giờ phục vụ khách nhưng cả nhóm có nhu cầu tiếp tục sử dụng ma túy, nên cả nhóm ra trước quán Bar bàn bạc với nhau về khách sạn Victory tại số 8 N, phường X, thành phố Huế thuê phòng để sử dụng ma túy. Trước khi đi về khách sạn T gom số ma túy viên dạng bẻ vụn cùng 02 gói ma túy dạng bột còn lại trên bàn, còn S rủ thêm Nguyễn Thị Phương Th (sinh năm 1992, trú tại số 67 X phường TT, thành phố Huế) cùng đến sử dụng. Khi đến khách sạn, cả nhóm thuê và lên phòng 417 thì T bày số ma túy chưa sử dụng hết ở quán bar, gồm 02 gói ma túy dạng bột và một số mảnh vụn của các viên nén do T đem về ra giữa bàn. Do số lượng ma túy còn lại ít và đã có sự thống nhất từ trước, nên T tiếp tục điện thoại cho “Rò” mua thêm 04 viên ma túy nữa với giá 2.000.000 đồng. Tiền do T tự bỏ ra trước. Sau khi mua được ma túy, T bỏ ma túy lên bàn và cùng nhau sử dụng. Đến 01 giờ 15 phút ngày 25/01/2018, trong lúc cả nhóm đang sử dụng ma túy thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Huế bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ:

- 01 gói ni lông bên trong có chứa bột khô màu trắng.
- 01 gói ni lông bên trong có 02 viên nén hình trụ tròn màu xanh in logo hình điện thoại và 02 viên nén hình trụ tròn màu hồng in logo VL và một số mảnh vụn.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng có số Imei: 354454066342701 đã qua sử dụng.

Tại bản Kết luận giám định số 25/GĐ ngày 27/01/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận:

- Mẫu chất bột khô màu trắng trong gói niêm phong là Kentamine, có trọng lượng 0,2046 (không phải hai không bốn sáu gam).
- Mẫu 02 viên nén màu xanh có trọng lượng 0,7014g (không phải bảy không một bốn gam) là chất ma túy MDMA.

- Mẫu 02 viên nén màu hồng và các mảnh vụn có trọng lượng 1,1046g (một phẩy một không bốn sáu gam) là chất ma túy MDMA (Trong đó: Trọng lượng 02 viên nén màu hồng là 0,6810 g, các mảnh vụn viên nén màu hồng là 0,4236g).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 132/2019/HSST ngày 25/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Đại Kim S, Nguyễn Đình L, Nguyễn Bạch Th, Trương Đình H và Bạch Thị Minh T đều phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

- Bùi Đại Kim S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, được thời gian tạm giam từ ngày 25/01/2018 đến ngày 14/02/2018, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Bạch Thị Minh T 01 (một) năm tù, được thời gian tạm giam từ ngày 25/01/2018 đến ngày 13/02/2018, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

- Nguyễn Đình L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, được thời gian tạm giam từ ngày 25/01/2018 đến ngày 14/02/2018, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

- Nguyễn Bạch Th 10 (mười) tháng tù, được thời gian tạm giam từ ngày 25/01/2018 đến ngày 28/02/2018, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Trương Đình H 10 (mười) tháng tù, được thời gian tạm giam từ ngày 25/01/2018 đến ngày 02/3/2018, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/7/2019, các bị cáo Bùi Đại Kim S, Nguyễn Đình L, Trương Đình H đều có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố các bị cáo không phạm tội.

Ngày 01/7/2019, bị cáo Nguyễn Bạch Th kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 09/7/2019, bị cáo Bạch Thị Minh T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bùi Đại Kim S, Nguyễn Đình L, Trương Đình H đều thay đổi kháng cáo, không kêu oan và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có quan điểm: Toà án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo Bùi Đại Kim S, Nguyễn Đình L, Nguyễn Bạch Th, Trương Đình H và Bạch Thị Minh T đều phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, không oan cho các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Đại Kim S, Nguyễn Đình L, Trương Đình H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm sự của các bị cáo này.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình L, Nguyễn Bạch Th. Sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Đình L, Nguyễn Bạch Th.

Kết quả xét hỏi tại phiên toà, tất cả các bị cáo đều khai báo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo Nguyễn Bạch Th và Bạch Thị Minh T xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo được làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định pháp luật về chủ thể kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, được Tòa án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Đình L từ chối, không yêu cầu luật sư bào chữa cho mình. Yêu cầu của bị cáo là tự nguyện, đúng pháp luật, cần chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bùi Đại Kim S, Nguyễn Đình L, Trương Đình H Nguyễn Bạch Th và Bạch Thị Minh T đều khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để xác định: Vào lúc 01 giờ 30 phút, ngày 25/01/2018 tại Phòng 417, Khách sạn Victory ở số 8 N, phường X, thành phố Huế, Nguyễn Đình L, Nguyễn Bạch Th, Trương Đình H, Bùi Đại Kim S, Bạch Thị Minh T bị Công an thành phố Huế bắt quả tang tàng trữ trái phép 1,806g (một phẩy tám không sáu gam) MDMA và 0,2046g (không phẩy hai không bốn sáu gam) Kentamine để sử dụng.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã kết án các bị cáo Bùi Đại Kim S, Nguyễn Đình L, Nguyễn Bạch Th, Trương Đình H và Bạch Thị Minh T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Bùi Đại Kim S, Nguyễn Đình L, Nguyễn Bạch Th, Trương Đình Đoàng và Bạch Thị Minh T, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng:

Các bị cáo đều tiếp nhận ý chí của nhau về việc tiếp tục sử dụng ma túy tại khách sạn Victory, tất cả các bị cáo đều mong muốn được sử dụng ma túy và thực tế các bị cáo đã thuê phòng tại khách sạn Victory và đang sử dụng ma túy tại khách sạn thì bị phát hiện. 04 viên ma túy T mua thêm được để trên bàn trong phòng của khách sạn Victory mà các bị cáo thuê đều trong tầm nhìn, tầm kiểm soát, quản L của các bị cáo. Vì vậy, tất cả các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm về trọng lượng của 04 viên ma túy này.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật nhưng vì để thỏa mãn nhu cầu sử dụng, thói đua đòi, ăn chơi của mình nên các bị cáo đã phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản L chất ma túy, trực tiếp ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người, sự phát triển của nòi giống và làm tăng tệ nạn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

Tòa án nhân dân thành phố Huế đã xem xét, cân nhắc cho các bị cáo có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình để xử phạt bị cáo Bùi Đại Kim S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo Bạch Thị Minh T 01 (một) năm tù, đồng thời áp dụng Điều 54 đối với Trương Đình H để xử phạt bị cáo 10 (mười) tháng tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không nặng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như đặc điểm nhân thân của các bị cáo.

Hiện nay, tình hình tội phạm ma túy đang diễn biến phức tạp, gây ra nhiều hệ lụy đối với xã hội, do đó cần phải xử L nghiêm khắc đối với loại tội phạm này. Vì vậy, không có cơ sở để cho các bị cáo Bạch Thị Minh T, Nguyễn Bạch Th được hưởng án treo.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Đình L và bị cáo Bạch Thị Minh T có vai trò ngang nhau. Bị cáo Nguyễn Đình L chỉ là người khởi xướng việc đến quán bar và ứng tiền ra để mua ma túy cho cả nhóm sử dụng lần đầu tại quán bar, bị cáo Bạch Thị Minh T là người chủ động 2 lần mua ma túy cho cả nhóm sử dụng và tự bỏ tiền ra để mua lần 2. Bị cáo Nguyễn Bạch Th chỉ là người nhất trí mua ma túy để sử dụng và đồng phạm với vai trò thứ yếu. Bị cáo có ông bà nội đều là người có công với nước, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Do vậy, cần giảm một phần hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Đình L, Nguyễn Bạch Th như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Bùi Đại Kim S, Bạch Thị Minh T, Trương Đình H phải chịu theo luật định, các bị cáo Nguyễn Đình L, Nguyễn Bạch Th không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Đại Kim S, Trương Đình H và Bạch Thị Minh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về mức hình phạt tù của các bị cáo này.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

- Bị cáo Bùi Đại Kim S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, được thời gian tạm giam từ ngày 25/01/2018 đến ngày 14/02/2018, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Bị cáo Bạch Thị Minh T 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, được thời gian tạm giam từ ngày 25/01/2018 đến ngày 13/02/2018, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

- Bị cáo Trương Đình H 10 (mười) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, được thời gian tạm giam từ ngày 25/01/2018 đến ngày 02/3/2018, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình L, Nguyễn Bạch Th. Sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Đình L, Nguyễn Bạch Th.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Đình L 01 (một) năm tù, được thời gian tạm giam từ ngày 25/01/2018 đến ngày 14/02/2018, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Bạch Th 6 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, được thời gian tạm giam từ ngày 25/01/2018 đến ngày 28/02/2018, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Bùi Đại Kim S, Trương Đình H và Bạch Thị Minh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ. Các bị cáo Nguyễn Đình L, Nguyễn Bạch Th không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I TANDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Công an thành phố Huế;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các Bị cáo;
- Lưu HS; THS; THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Lộc